

BẢNG ĐIỂM

Tâm lý học giáo dục mầm non(224.1)_LT_04
Học kỳ: 1_2024-2025. Giảng viên: Dương Thị Linh

TT	Mã học viên	Họ	Tên	Điểm chuyên cần	Điểm Quá trình	Ghi chú
1	245714020130141	Thạch Hà Hạnh	An	9.5	8.8	
2	245714020130051	Đậu Thị Hồng	Ánh	9.4	8.5	
3	245714020130136	Nguyễn Thị Hải	Anh	9.2	8.8	
4	245714020130146	Phan Thị Ngọc	Ánh	9.2	8.8	
5	245714020130089	Lê Mai	Chi	10.0	9.3	
6	245714020130021	Vi Thị Phương	Điệp	10.0	8.6	
7	245714020130039	Lô Thị Tiên	Giao	9.8	8.7	
8	245714020130129	Nguyễn Thị Kim	Giao	9.5	8.8	
9	245714020130125	Ngô Thị	Hằng	8.7	7.8	
10	245714020130168	Trần Thị Thuý	Hằng	9.2	8.7	
11	245714020130144	Lương Ngọc	Hiền	9.5	8.2	
12	245714020130177	Hồ Thị	Hoà	10.0	9.7	
13	245714020130010	Trương Ngọc	Hoa	9.5	7.6	
14	245714020130145	Đặng Thị	Hoài	10.0	9.1	
15	245714020130174	Nguyễn Diệu	Hồng	9.4	8.1	
16	245714020130057	Bùi Thu	Huyền	9.4	8.4	
17	245714020130012	Lê Khánh	Huyền	9.2	7.9	
18	245714020130054	Nguyễn Thị Thanh	Huyền	9.7	8.9	
19	245714020130123	Trần Thanh	Huyền	9.7	8.3	
20	245714020130004	Nguyễn Thị Vân	Khánh	9.9	9.3	
21	245714020130025	Thái Thị	Liên	9.3	8.1	
22	245714020130172	Cao Thị Mỹ	Linh	9.2	8.6	
23	245714020130127	Nguyễn Hoàng	Linh	8.7	8.0	
24	245714020130164	Nguyễn Khánh	Linh	9.3	8.1	
25	245714020130106	Thái Phương	Linh	8.7	7.7	
26	245714020130077	Vũ Hoài	Linh	10.0	9.7	
27	245714020130130	Bùi Phương	Ly	10.0	9.6	
28	245714020130086	Nguyễn Phương	Na	8.2	7.0	
29	245714020130158	Lương Thị Cánh	Nga	9.7	8.1	
30	245714020130219	Lê Thị Thảo	Nguyễn	9.3	8.6	
31	245714020130038	Lô Thị	Nhàn	9.3	8.6	
32	245714020130100	Sầm Nữ Vân	Nhi	9.7	9.2	
33	245714020130005	Nguyễn Thị Hồng	Nhung	9.3	7.9	

TT	Mã học viên	Họ	Tên	Điểm chuyên cần	Điểm Quá trình	Ghi chú
34	245714020130138	Nguyễn Thị Quỳnh	Như	9.3	7.9	
35	245714020130149	Bùi Thị	Oanh	9.4	8.3	
36	245714020130175	Ngân Thị Thu	Oanh	9.8	7.5	
37	245714020130017	Bùi Thị	Phương	8.2	7.8	
38	245714020130071	Nguyễn Thị	Phương	8.2	6.8	
39	245714020130024	Lê Vũ Như	Quỳnh	9.5	8.3	
40	245714020130134	Lô Thị	Quỳnh	9.3	7.7	
41	245714020130190	Hồ Thị	Sang	8.2	6.8	
42	245714020130072	Lê Thị	Thanh	9.5	7.5	
43	245714020130002	Nguyễn Thị Phương	Thanh	9.5	8.7	
44	245714020130201	Bùi Phương	Thảo	8.3	5.6	
45	245714020130161	Lê Thu	Thảo	9.8	8.2	
46	245714020130064	Lữ Thị May	Thảo	8.7	8.5	
47	245714020130218	Ngân Yến	Thảo	9.2	7.0	
48	245714020130223	Nguyễn Thị	Thảo	8.2	7.9	
49	245714020130121	Nguyễn Thị Thu	Thảo	9.7	8.8	
50	245714020130150	Trần Thị Phương	Thảo	9.2	7.8	
51	245714020130009	Trần Thị Phương	Thảo	9.2	8.6	
52	245714020130133	Vi Thị	Thảo	9.2	8.1	
53	245714020130115	Đặng Thị Phương	Thùy	9.3	7.3	
54	245714020130103	Hà Thị	Thúy	9.2	8.0	
55	245714020130099	Lô Thị Minh	Thư	9.2	8.0	
56	245714020130112	Nguyễn Anh	Thư	8.5	7.8	
57	245714020130126	Nguyễn Hoài	Thương	9.8	8.3	
58	245714020130185	Lô Thị Quỳnh	Trang	9.2	8.2	
59	245714020130193	Nguyễn Thị	Trang	8.2	7.4	
60	245714020130067	Nguyễn Thị Anh	Trúc	9.2	7.6	
61	245714020130222	Nguyễn Thị Cẩm	Tú	9.3	7.7	
62	245714020130036	Trần Nguyễn Phương	Uyên	9.9	8.8	
63	245714020130135	Vi Thị Khánh	Uyên	8.7	7.8	
64	245714020130030	Nguyễn Thị	Vinh	8.8	8.2	
65	245714020130022	Nguyễn Thị Hồng	Vui	9.9	9.1	
66	245714020130080	Lữ Thị Tiểu	Vy	9.3	7.8	
67	245714020130211	Lô Thị Lưu	Ý	9.0	8.2	
68	245714020130171	Đặng Thị Hải	Yến	9.2	7.9	
69	245714020130016	Nguyễn Thị	Yến	9.8	8.3	
70	245714020130226	Phạm Thị	Yến	10.0	9.1	

Nghệ An, ngày 05 tháng 10 năm 2025

Trưởng bộ môn

Giảng viên